

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01.01.2025 đến ngày 31.12.2025



Thành phố Hồ Chí Minh - Tháng 01 năm 2026

MỤC LỤC

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP	Trang
Bảng Cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31/12/2025	3 – 4
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp lũy kế năm 2025	5
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp lũy kế năm 2025	6
Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp lũy kế năm 2025	7 – 27

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu B 01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 01/01/2025
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.888.714.338.497	1.646.286.558.124
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	313.276.951.138	189.258.492.532
1. Tiền	111		218.353.951.138	108.258.492.532
2. Các khoản tương đương tiền	112		94.923.000.000	81.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		30.104.082.000	16.151.205.994
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		30.104.082.000	16.151.205.994
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		990.678.800.732	899.927.410.921
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	836.268.546.131	707.515.475.503
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		37.719.296.422	81.007.023.245
5. Các khoản phải thu khác	136	5.3	121.897.872.239	113.438.019.766
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(5.206.914.060)	(2.033.107.593)
IV. Hàng tồn kho	140	5.4	464.741.685.049	442.016.202.145
1. Hàng tồn kho	141		465.801.895.253	443.351.420.184
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(1.060.210.204)	(1.335.218.039)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		89.912.819.578	98.933.246.532
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		6.885.316.024	10.435.232.071
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		77.170.108.493	86.618.539.200
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.9	5.857.395.061	1.879.475.261
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		407.251.268.666	448.635.191.160
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		15.085.265.469	27.291.265.469
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.3	15.085.265.469	27.291.265.469
II. Tài sản cố định	220		164.531.575.878	180.245.464.931
1. TSCĐ hữu hình	221	5.5	155.646.565.624	174.311.256.365
- Nguyên giá	222		755.236.272.505	780.837.067.150
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(599.589.706.881)	(606.525.810.785)
3. TSCĐ vô hình	227	5.6	8.885.010.254	5.934.208.566
- Nguyên giá	228		46.766.818.863	42.766.818.863
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(37.881.808.609)	(36.832.610.297)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		9.877.358.041	4.541.477.414
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		9.877.358.041	4.541.477.414
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.7	177.991.747.134	195.716.895.555
1. Đầu tư vào công ty con	251		113.985.268.520	113.985.268.520
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		79.216.920.657	96.466.920.657
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		31.256.863.385	31.256.863.385
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(46.467.305.428)	(45.992.157.007)
V. Tài sản dài hạn khác	260		39.765.322.144	40.840.087.791
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		39.765.322.144	40.840.087.791
TỔNG TÀI SẢN	270		2.295.965.607.163	2.094.921.749.284

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Bảo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu B 01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 01/01/2025
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.875.559.360.872	1.690.852.858.287
I. Nợ ngắn hạn	310		1.649.628.473.822	1.631.319.307.305
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.8	236.120.548.976	176.044.814.043
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		11.173.391.216	33.016.896.452
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.9	7.278.877.066	5.690.992.100
4. Phải trả người lao động	314		98.897.908.435	75.467.467.475
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		41.865.737.799	49.746.954.756
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		13.834.555.940	1.462.684.176
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.10	10.988.146.937	10.192.537.560
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.11	1.208.154.083.943	1.256.211.469.895
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		21.315.223.510	23.485.490.848
II. Nợ dài hạn	330		225.930.887.050	59.533.550.982
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		24.879.437.050	25.569.273.282
7. Phải trả dài hạn khác	337	5.10	3.400.000.000	9.994.277.700
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.11	17.850.000.000	23.970.000.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		179.801.450.000	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		420.406.246.291	404.068.890.997
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.12	420.406.246.291	404.068.890.997
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		200.000.000.000	200.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411.a		200.000.000.000	200.000.000.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		48.242.591.185	45.642.229.475
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		172.163.655.106	158.426.661.522
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		106.464.997.657	106.419.427.332
- LNST chưa phân kỳ này	421b		65.698.657.449	52.007.234.190
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432	V.23	-	-
TỔNG NGUỒN VỐN	440		2.295.965.607.163	2.094.921.749.284

TP.HCM, ngày 30 tháng 01 năm 2026

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc



Nguyễn Ngọc Hiếu



Đặng Minh Tuyền



Nguyễn Ngọc Lâm

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu B 02-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31 năm 12 năm 2025

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 4		Lũy kế từ đầu năm đến cuối năm	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.13	931.198.610.276	877.099.224.158	2.965.771.211.930	2.897.955.758.970
2. Các khoản giảm trừ	02		1.418.549.302	977.574.243	6.008.073.245	5.190.450.195
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		929.780.060.974	876.121.649.915	2.959.763.138.685	2.892.765.308.775
4. Giá vốn hàng bán	11	5.14	757.500.990.893	709.887.173.956	2.393.500.421.879	2.342.420.997.136
5. Lợi tức gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		172.279.070.081	166.234.475.959	566.262.716.806	550.344.311.639
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.15	5.238.156.058	18.893.112.961	53.074.647.338	57.933.802.927
7. Chi phí tài chính	22	5.16	17.116.971.916	19.713.065.761	73.035.057.744	75.406.278.843
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		14.383.977.735	13.986.814.987	53.646.848.501	47.436.130.769
8. Chi phí bán hàng	24	5.17	70.525.699.234	60.439.971.544	239.101.654.447	229.426.330.919
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.18	71.518.828.449	83.608.940.593	233.741.995.673	239.202.493.792
10. Lợi tức thuần từ HĐKD [30= 20 + (21-22) -(24+25)]	30		18.355.726.540	21.365.611.022	73.458.656.280	64.243.011.012
11. Thu nhập khác	31		642.063.275	1.460.796.582	4.601.729.177	8.093.825.698
12. Chi phí khác	32		15.905.851	7.885.101.663	54.399.468	7.965.100.063
13. Lợi nhuận khác	40	5.19	626.157.424	(6.424.305.081)	4.547.329.709	128.725.635
14. Tổng lợi nhuận trước thuế (50=30+40)	50		18.981.883.964	14.941.305.941	78.005.985.989	64.371.736.647
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.20	4.019.710.208	5.000.422.758	12.307.328.540	12.364.502.457
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		14.962.173.756	9.940.883.183	65.698.657.449	52.007.234.190

TP.HCM, ngày 30 tháng 01 năm 2026

Người lập

Nguyễn Ngọc Hiếu

Kế toán trưởng

Đặng Minh Tuyền

Tổng giám đốc



Nguyễn Ngọc Lân

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu B 03a-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Chỉ tiêu	Mã số	TM	Lũy kế	
			Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		78.005.985.989	64.371.736.647
2. Điều chỉnh các khoản			61.675.388.223	69.055.841.791
- Khấu hao tài sản cố định	02		30.884.805.000	39.164.587.519
- Các khoản dự phòng	03		3.373.947.053	1.201.055.669
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	2.960.393.457
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(26.230.212.331)	(21.706.325.623)
- Chi phí lãi vay	06		53.646.848.501	47.436.130.769
3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		139.681.374.212	133.427.578.438
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(58.998.685.371)	(142.432.299.596)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(22.450.475.069)	13.480.164.793
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		246.490.373.368	(25.642.237.775)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		4.624.681.694	(8.637.808.001)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(53.646.848.501)	(48.097.994.074)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(17.743.546.033)	(10.706.556.612)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(11.531.569.493)	(6.851.039.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		226.425.304.807	(95.460.191.827)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(21.194.830.494)	(52.013.665.759)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		656.065.895	336.351.124
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(45.078.000.000)	(18.151.205.994)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		31.125.123.994	11.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	1.000.000.000
7. Tiền thu lãi tiền gửi, cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		26.262.180.356	16.211.235.242
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(8.229.460.249)	(41.617.285.387)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	8.900.000.000
3. Tiền thu từ đi vay	33		2.434.830.250.100	2.428.947.725.235
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(2.489.007.636.052)	(2.202.821.274.817)
5. Tiền trả nợ thuê tài chính	35		-	-
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(40.000.000.000)	(38.220.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(94.177.385.952)	196.806.450.418
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		124.018.458.606	59.728.973.204
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		189.258.492.532	129.667.196.220
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	(137.676.892)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5.1	313.276.951.138	189.258.492.532

TP.HCM, ngày 30 tháng 01 năm 2026

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc

Nguyễn Ngọc Hiếu

Đặng Minh Tuyên

Nguyễn Ngọc Lân

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Mẫu B 09a-DN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần (gọi tắt là “Tổng Công ty”) được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty May Nhà Bè theo Quyết định số 74/2004/QĐ-BCN ngày 08/8/2004 và Quyết định số 88/2004/QĐ-BCN ngày 08/09/2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300398889 ngày 24 tháng 3 năm 2005 do Sở kế hoạch và đầu tư Tp. HCM cấp. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 27 ngày 04 tháng 09 năm 2025.

Tên Tổng Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: Nha Be Garment Corporation - Joint Stock Company, tên viết tắt là: NHABECO.

Vốn điều lệ là: 200.000.000.000 đồng.

Sở hữu vốn:

Cổ đông	Số cổ phần	VND	Tỷ lệ sở hữu
Tập đoàn Dệt may Việt Nam	5.040.000	50.400.000.000	25,20%
Các cổ đông khác	14.960.000	149.600.000.000	74,80%
Tổng	20.000.000	200.000.000.000	100%

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại: Số 4, Đường Bến Nghé, Phường Tân Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Số lao động tại ngày 31/12/2025: 2.746 người.

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề sản xuất kinh doanh chủ yếu của Tổng Công ty bao gồm nhiều lĩnh vực, trong đó chủ yếu là tập trung vào các lĩnh vực sau đây:

- Sản xuất, mua bán sản phẩm dệt - may, nguyên phụ liệu, máy móc, thiết bị, phụ tùng linh kiện phục vụ ngành dệt, may;
- Giặt, tẩy, in trên sản phẩm nhuộm;
- Mua, bán sản phẩm chế biến từ nông - lâm - hải sản, máy móc thiết bị, phụ tùng kim khí điện máy gia dụng và công nghiệp, điện tử, công nghệ thông tin;
- Xây dựng và kinh doanh nhà;
- Môi giới bất động sản;
- Dịch vụ kho bãi;
- Kinh doanh vận tải xăng dầu bằng ô tô và đường thủy nội địa;
- Kinh doanh nhà hàng, lưu trú du lịch, khách sạn;
- Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa, quốc tế;

...

1.3. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2025, Tổng Công ty có các Công ty con và Công ty liên kết như sau:

Tên công ty con	Tỷ lệ Vốn góp	Tỷ lệ Biểu quyết
Công ty CP May Bình Định	51,84%	51,84%
Công ty CP May Đà Lạt	55,00%	55,00%
Công ty CP May Gia Lai	51,00%	51,00%
Công ty CP May Tam Quan	51,00%	51,00%
Công ty TNHH Giặt tẩy Nhà Bè	51,00%	51,00%
Công ty CP May Bình Thuận	51,00%	51,00%
Công ty CP May Nhà Bè - Hậu Giang	55,56%	55,56%
Công ty liên doanh, liên kết		
Công ty cổ phần May 9	26,78%	26,78%
Công ty Cổ Phần NBC Logistics	28,58%	28,58%
Công ty Cổ Phần May Sông Tiền	43,89%	43,89%
Công ty CP Tư Vấn Công Nghệ Nhà Bè	30,00%	30,00%
Công ty CP Công Nghệ Và Thiết Bị Nhà Bè	40,98%	40,98%
Công ty CP Du Lịch NBC Cam Bình Resort	47,00%	47,00%
Công ty CP May An Nhơn	45,90%	45,90%
Công ty CP May Nhà Bè - Sóc Trăng	36,00%	36,00%
Công ty CP May Gia Phúc	47,50%	47,50%

Các đơn vị phụ thuộc

Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Xí nghiệp May Bình Phát

Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Xí nghiệp May Bảo Lộc

Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Xí nghiệp May Kon Tum

Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Chi nhánh May Bình Định

Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Chi nhánh Phía Bắc

Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè tại Hà Nội

Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần – Chi nhánh UK

1.4. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ Kế toán

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

Hình thức kế toán áp dụng

Tổng Công ty sử dụng hình thức sổ Nhật ký chứng từ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo kết quả kinh doanh.

Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính

- (i) Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản (Tiền, Nợ phải thu,...): Đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Thương mại tại ngày 31/12/2025.
- (ii) Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả (Phải trả người bán, vay,...): Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng thương mại tại ngày 31/12/2025.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá - 413, số dư tài khoản này sẽ được kết chuyển vào Doanh thu hoặc chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền:

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

- Đầu tư vào Công ty con: Các khoản đầu tư vào các Công ty con mà Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Tổng Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty con sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

- Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh: Các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Tổng Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty liên kết sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

- Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)**

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi các Công ty này bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào các Công ty này (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư). Mức trích lập dự phòng tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Tổng Công ty trong các tổ chức kinh tế theo hướng dẫn tại Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013.

Đối với các khoản đầu tư khác, việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:



- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa Công ty mẹ và Công ty con, liên doanh, liên kết). Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị hàng xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình

Tổng Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013.

a. Nguyên tắc kế toán

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất, nhãn hiệu hàng hóa, bản quyền bằng sáng chế, quyền phát hành, công thức pha chế,... và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025 (Số năm)
Nhà xưởng và vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc và thiết bị	05 – 07
Phương tiện vận tải	06
Thiết bị, dụng cụ quản lý và tài sản khác	03 – 07

Tài sản cố định vô hình

	Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025 (Số năm)
Quyền sử dụng đất	50
Nhãn hiệu hàng hóa	10
Bản quyền, bằng sáng chế	10
Công thức pha chế, thiết kế,...	10

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Tổng Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Tổng Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa Công ty mẹ và Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết).

- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Tổng Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

Chi phí khuyến mãi, chiết khấu,...

Chi phí nguyên vật liệu: vải chính,...

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm: doanh thu nhận trước (như: số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều kỳ kế toán về cho thuê mặt bằng) không bao gồm: tiền nhận trước của người mua mà Tổng Công ty chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ.

Doanh thu nhận trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng căn cứ trên số kỳ đã thu tiền trước.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Tổng Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Tổng Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Tổng Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Tổng Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Tổng Công ty.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

- (d) Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm:

- Giảm giá hàng bán: là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế; không bao gồm khoản giảm giá hàng bán cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
- Hàng bán bị trả lại: do vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một năm.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoãn nộp tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế

thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 20% trên thu nhập chịu thuế.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản cho vay, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp, kể cả các Công ty con Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Tổng Công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Tổng Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Tổng Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền mặt	15.360.129.726	11.408.206.663
Tiền gửi ngân hàng	202.993.821.412	96.850.285.869
Các khoản tương đương tiền	94.923.000.000	81.000.000.000
<i>Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng</i>	<i>94.923.000.000</i>	<i>81.000.000.000</i>
Tổng	313.276.951.138	189.258.492.532

5.2 Phải thu của khách hàng

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn	836.268.546.131	707.515.475.503
Haggar Clothing Co.	12.177.576.652	75.927.992.714
Motives International (Hong Kong) Ltd.	47.040.393.729	61.866.410.344
BMB Clothing Group	32.899.085.856	35.097.506.252
JP Global Import INC	44.325.304.398	16.727.180.276
Punto FA, S.L.	73.836.168.609	142.258.466.414
Công Ty TNHH Pro Kingtex Việt Nam	1.752.457	7.526.627.856
Công Ty TNHH Quảng Việt Tiền Giang	6.916.564.467	6.983.585.490
Công Ty CP May Nhà Bè - Đức Linh	31.894.672.484	32.750.303.316
Phải thu các đối tượng khác	587.177.027.479	328.377.402.841
Tổng	836.268.546.131	707.515.475.503

5.3 Phải thu khác

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Ngắn hạn	121.897.872.239	113.438.019.766
Phải thu BHXH		284.954.234
Phải thu các công ty con, LDLK	70.021.679.528	64.444.173.169
Phải thu tạm ứng	9.206.866.047	8.933.060.602
Phải thu CBCNV	55.100.959	49.902.682
Ứng tiền đầu tư dự án Đức Linh 2	-	1.519.993.027
Ký quỹ, ký cược	155.252.024	142.357.595
Phải thu khác	42.458.973.681	38.063.578.457
Dài hạn	15.085.265.469	27.291.265.469
Phải thu các công ty con, LDLK	13.530.555.553	25.530.555.553
Đặt cọc tiền mặt bằng	1.554.709.916	1.760.709.916
Tổng	136.983.137.708	140.729.285.235

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

5.4 Hàng tồn kho

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Hàng mua đang đi trên đường	30.345.365	6.778.800
Nguyên liệu, vật liệu	98.056.274.587	103.181.711.473
Công cụ, dụng cụ	6.315.925.024	4.852.484.495
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	267.869.607.157	212.025.418.466
Thành phẩm	59.196.267.961	66.934.985.533
Hàng hoá	4.353.494.534	17.849.339.232
Hàng gửi đi bán	29.979.980.625	38.500.702.185
Tổng	465.801.895.253	443.351.420.184
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.060.210.204)	(1.335.218.039)
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	464.741.685.049	442.016.202.145

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Mẫu B 09A-DN

5.5 Tài sản cố định hữu hình*Đơn vị tính: VND*

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng (VND)
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2025	290.138.729.138	376.978.039.022	109.087.520.887	4.632.778.103	780.837.067.150
Tăng trong kỳ	-	11.248.065.746	1.330.305.455	-	12.578.371.201
Mua trong kỳ	-	10.970.883.846	1.330.305.455	-	12.301.189.301
XDCB hoàn thành	-	277.181.900	-	-	277.181.900
Giảm trong kỳ	3.830.824.625,00	27.320.758.697	6.231.171.668	796.410.856,00	38.179.165.846
Thanh lý, nhượng bán	805.355.000,00	22.024.257.696	5.333.049.123	83.000.000	28.245.661.819
Giảm Khác	3.025.469.625,00	5.296.501.001	898.122.545,00	713.410.856,00	9.933.504.027
Số dư tại 31/12/2025	286.307.904.513	360.905.346.071	104.186.654.674	3.836.367.247	755.236.272.505
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2025	198.181.938.133	318.493.520.365	85.503.801.233	4.346.551.054	606.525.810.785
Tăng trong kỳ	7.475.710.583	18.404.502.356	3.823.682.399	131.711.350	29.835.606.688
Khấu hao trong kỳ	7.475.710.583	18.404.502.356	3.823.682.399	131.711.350	29.835.606.688
Giảm trong kỳ	3.111.403.291	26.912.084.158	5.951.812.287	796.410.856	36.771.710.592
Thanh lý, nhượng bán	805.355.000,00	21.615.583.157	5.053.689.742	83.000.000	27.557.627.899
Giảm Khác	2.306.048.291	5.296.501.001	898.122.545	713.410.856	9.214.082.693
Số dư tại 31/12/2025	202.546.245.425	309.985.938.563	83.375.671.345	3.681.851.548	599.589.706.881
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2025	91.956.791.005	58.484.518.657	23.583.719.654	286.227.049	174.311.256.365
Tại 31/12/2025	83.761.659.088	50.919.407.508	20.810.983.329	154.515.699	155.646.565.624

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Mẫu B 09A-DN

5.6 Tài sản cố định vô hình*Đơn vị tính: VND***NGUYÊN GIÁ**

Số dư tại 01/01/2025

Tăng trong năm

Mua trong kỳ

Giảm trong năm

Số dư tại 31/12/2025

GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ

Số dư tại 01/01/2025

Tăng trong năm

Khấu hao trong năm

Số dư tại 31/12/2025

GIÁ TRỊ CÒN LẠI

Số dư tại 01/01/2025

Số dư tại 31/12/2025

	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy vi tính	Tổng (VND)
Số dư tại 01/01/2025	10.449.268.907	5.838.965.451	26.478.584.505	42.766.818.863
Tăng trong năm	-	-	4.000.000.000	4.000.000.000
Mua trong kỳ	-	-	4.000.000.000	4.000.000.000
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2025	10.449.268.907	5.838.965.451	30.478.584.505	46.766.818.863
Số dư tại 01/01/2025	6.363.979.129	5.838.965.451	24.629.665.717	36.832.610.297
Tăng trong năm	368.517.778	-	680.680.534	1.049.198.312
Khấu hao trong năm	368.517.778	-	680.680.534	1.049.198.312
Số dư tại 31/12/2025	6.732.496.907	5.838.965.451	25.310.346.251	37.881.808.609
Số dư tại 01/01/2025	4.085.289.778	-	1.848.918.788	5.934.208.566
Số dư tại 31/12/2025	3.716.772.000	-	5.168.238.254	8.885.010.254

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Mẫu B 09A-DN

5.7 Đầu tư tài chính dài hạn

Tên công ty	Tỷ lệ			Tại ngày 31/12/2025		Tại ngày 01/01/2025	
	Vốn nắm giữ	Quyền biểu quyết	Số lượng	Giá gốc	Giá hợp lý	Giá gốc	Giá hợp lý
Đầu tư vào công ty con				113.985.268.520	(15.300.000.000)	113.985.268.520	(15.300.000.000)
Công ty CP May Bình Định	51,84%	51,84%	1.197.540	11.535.620.000	-	11.535.620.000	-
Công ty CP May Đà Lạt	55,00%	55,00%	581.760	5.817.648.520	-	5.817.648.520	-
Công ty CP May Gia Lai	51,00%	51,00%	765.000	10.200.000.000	-	10.200.000.000	-
Công ty CP May Tam Quan	51,00%	51,00%	1.530.000	17.850.000.000	-	17.850.000.000	-
Công ty TNHH Giặt tẩy Nhà Bè	51,00%	51,00%	1.530.000	15.300.000.000	(15.300.000.000)	15.300.000.000	(15.300.000.000)
Công ty CP May Bình Thuận	51,00%	51,00%	1.275.000	25.500.000.000	-	25.500.000.000	-
Công ty CP May Nhà Bè - Hậu Giang	55,56%	55,56%	2.778.200	27.782.000.000	-	27.782.000.000	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết				79.216.920.657	(30.384.007.484)	96.466.920.657	(30.556.694.277)
Công ty cổ phần May 9	26,78%	26,78%	401.625	5.227.920.657	(939.094.885)	5.227.920.657	(939.094.885)
Công Ty Cổ Phần NBC Logistics	28,58%	28,58%	6.858	3.429.000.000	-	3.429.000.000	-
Công ty Cổ Phần May Sông Tiền	43,89%	43,89%	1.536.000	15.360.000.000	-	15.360.000.000	-
Công ty CP Tư Vấn Công Nghệ Nhà Bè	30,00%	30,00%	150.000	1.500.000.000	-	1.500.000.000	-
Công ty CP Công Nghệ Và Thiết Bị Nhà Bè	40,98%	40,98%	300.000	5.000.000.000	-	5.000.000.000	-
Công ty CP Du Lịch NBC Cam Bình Resort	47,00%	47,00%	1.490.000	14.900.000.000	(4.824.912.599)	14.900.000.000	(4.997.599.392)
Công ty CP May An Nhơn	45,90%	45,90%	918.000	9.180.000.000	-	9.180.000.000	-
Công ty CP May Nhà Bè - Sóc Trăng	36,00%	36,00%	1.512.000	15.120.000.000	(15.120.000.000)	15.120.000.000	(15.120.000.000)
Công ty CP May Gia Phúc	47,50%	47,50%	950.000	9.500.000.000	(9.500.000.000)	9.500.000.000	(9.500.000.000)
Công ty CP May Đức Linh	0,00%	0,00%	-	-	-	17.250.000.000	-

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Mẫu B 09A-DN

5.7 Đầu tư tài chính dài hạn (Tiếp theo)

Tên công ty	Tỷ lệ		Tại ngày 31/12/2025		Tại ngày 01/01/2025		
	Vốn nắm giữ	Quyền biểu quyết	Số lượng	Giá gốc	Giá hợp lý	Giá gốc	Giá hợp lý
Đầu tư dài hạn khác	49,13%	49,13%		31.256.863.385	(783.297.944)	31.256.863.385	(135.462.730)
Công ty CP ĐT&PT Bình Thắng	18,02%	18,02%		5.802.843.385	-	5.802.843.385	-
Công ty CP NPL Dệt May Bình An	6,45%	6,45%		7.161.920.000	(783.297.944)	7.161.920.000	(135.462.730)
Công ty CP Dệt May Liên Phương	2,04%	2,04%		3.480.000.000	-	3.480.000.000	-
Công ty CP Đầu Tư An Phát	5,00%	5,00%		4.225.000.000	-	4.225.000.000	-
Công Ty CP Thương Mại Bán Lẻ Nhà Bè	15,00%	15,00%		5.250.000.000	-	5.250.000.000	-
Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP	2,61%	2,61%		5.337.100.000	-	5.337.100.000	-
Tổng	49,13%	49,13%		224.459.052.562	(46.467.305.428)	241.709.052.562	(45.992.157.007)

5.8 Phải trả người bán

	31/12/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	236.120.548.976	236.120.548.976	176.044.814.043	176.044.814.043
Công Ty Cổ Phần May Tam Quan	24.817.585.531	24.817.585.531	17.843.292.304	17.843.292.304
Công Ty Cổ Phần May Đà Lạt	13.434.853.644	13.434.853.644	-	-
Motives International (Hong Kong) Ltd.	3.978.300.151	3.978.300.151	2.793.835.214	2.793.835.214
Glory Dragon International Company.	4.577.944.642	4.577.944.642	2.724.407.826	2.724.407.826
Kufner Hong Kong LTD.	2.219.887.002	2.219.887.002	579.554.170	579.554.170
Công Ty CP May Bình Thuận - Nhà Bè	5.629.256.844	5.629.256.844	3.936.453.524	3.936.453.524
Phải trả các nhà cung cấp khác	181.462.721.162	181.462.721.162	148.167.271.005	148.167.271.005
Tổng	236.120.548.976	236.120.548.976	176.044.814.043	176.044.814.043

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Mẫu B 09A-DN

5.9 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	01/01/2025	Số phải nộp	Số đã nộp	31/12/2025
Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	1.964.558.937	26.128.752.156	22.795.261.233	5.298.049.860
Thuế xuất nhập khẩu	35.811.221	1.555.650.845	1.489.783.208	101.678.858
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.657.945.845	12.307.328.540	13.965.274.385	-
Thuế thu nhập cá nhân	1.504.879.677	3.826.216.818	4.078.279.362	1.252.817.133
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	1.943.056.265	1.943.056.265	-
Thuế môn bài	-	24.300.000	24.300.000	-
Thuế Bảo vệ môi trường và thuế khác	-	3.735.000	3.735.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	527.796.420	4.726.936.094	4.628.401.299	626.331.215
Thuế nhà thầu	-	64.850.737	64.850.737	-
Tổng	5.690.992.100	50.580.826.455	48.992.941.489	7.278.877.066
Phải thu				
Thuế xuất nhập khẩu	1.720.079.605	28.773.792	58.284.231	1.749.590.044
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	3.778.271.648	3.778.271.648
Thuế thu nhập cá nhân	159.395.656	159.075.884	329.213.597	329.533.369
Tổng	1.879.475.261	187.849.676	4.165.769.476	5.857.395.061

5.10 Phải trả khác

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn	10.988.146.937	10.192.537.560
Kinh phí công đoàn	3.044.737.326	2.009.972.967
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	6.225.932	12.321.064
Phải trả khác	7.937.183.679	8.170.243.529
b) Dài hạn	3.400.000.000	9.994.277.700
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	3.400.000.000	9.994.277.700
Tổng	14.388.146.937	20.186.815.260

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

5.11 Vay và nợ thuê tài chính

	31/12/2025		Phát sinh trong kỳ		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	1.208.154.083.943	1.208.154.083.943	2.440.950.250.100	2.489.007.636.052	1.256.211.469.895	1.256.211.469.895
NH Á Châu (ACB)	213.228.705.931	213.228.705.931	384.211.182.924	322.260.214.852	151.277.737.859	151.277.737.859
NH Công Thương VN - CN4	549.001.635.570	549.001.635.570	1.098.143.809.896	1.018.908.557.830	469.766.383.504	469.766.383.504
NH Ngoại Thương VN (VCB)	309.227.980.071	309.227.980.071	680.538.813.414	761.265.890.762	389.955.057.419	389.955.057.419
NH TMCP Đông Nam Á - CN TP.HCM	5.288.907.662	5.288.907.662	5.307.555.288	14.728.303.392	14.709.655.766	14.709.655.766
NH TMCP Quốc Tế Việt Nam - CN Sài Gòn	-	-	9.930.039.386	25.117.754.593	15.187.715.207	15.187.715.207
NH TMCP Quân Đội - CN Sở Giao Dịch 2	125.286.854.709	125.286.854.709	256.698.849.192	339.294.914.623	207.882.920.140	207.882.920.140
Nợ dài hạn đến hạn trả	6.120.000.000	6.120.000.000	6.120.000.000	7.432.000.000	7.432.000.000	7.432.000.000
NH Công Thương VN - CN4	6.120.000.000	6.120.000.000	6.120.000.000	6.120.000.000	6.120.000.000	6.120.000.000
NH TMCP Phát Triển TP.HCM - CN Nguyễn Trãi	-	-	-	1.312.000.000	1.312.000.000	1.312.000.000
Vay dài hạn	17.850.000.000	17.850.000.000	-	6.120.000.000	23.970.000.000	23.970.000.000
NH Công Thương VN - CN4	17.850.000.000	17.850.000.000	-	6.120.000.000	23.970.000.000	23.970.000.000
CỘNG	1.226.004.083.943	1.226.004.083.943	2.440.950.250.100	2.495.127.636.052	1.280.181.469.895	1.280.181.469.895

5.12 **Vốn chủ sở hữu**

a. **Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VN

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng (VND)
Số dư tại 01/01/2024	191.100.000.000	43.093.933.885	156.361.587.045	390.555.520.930
Tăng trong năm	8.900.000.000	2.548.295.590	52.007.234.190	63.455.529.780
Lãi trong kỳ	-	-	52.007.234.190	52.007.234.190
Tăng vốn trong kỳ	8.900.000.000	-	-	8.900.000.000
Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	2.548.295.590	-	2.548.295.590
Giảm trong năm	-	-	49.942.159.713	49.942.159.713
Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	-	2.548.295.590	2.548.295.590
Trích lập các quỹ	-	-	9.173.864.123	9.173.864.123
Chia trả cổ tức 2023	-	-	38.220.000.000	38.220.000.000
Số dư tại 31/12/2024	200.000.000.000	45.642.229.475	158.426.661.522	404.068.890.997
Số dư tại 01/01/2025	200.000.000.000	45.642.229.475	158.426.661.522	404.068.890.997
Tăng trong kỳ	-	2.600.361.710	65.698.657.449	68.299.019.159
Lãi trong kỳ	-	-	65.698.657.449	65.698.657.449
Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	2.600.361.710	-	2.600.361.710
Giảm trong kỳ	-	-	51.961.663.865	51.961.663.865
Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	-	2.600.361.710	2.600.361.710
Trích lập các quỹ	-	-	9.361.302.155	9.361.302.155
Chia trả cổ tức 2024	-	-	40.000.000.000	40.000.000.000
Số dư tại 31/12/2025	200.000.000.000	48.242.591.185	172.163.655.106	420.406.246.291

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

b. Chi tiết vốn chủ sở hữu

	Tỷ lệ	31/12/2025	Tỷ lệ	01/01/2025
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	25,20%	50.400.000.000	25,20%	50.400.000.000
Công ty Cổ phần 4M	24,39%	48.787.060.000	24,39%	48.787.060.000
Ông La Văn Tốt	-	-	8,47%	16.947.200.000
Bà Trần Linh Trang	7,10%	14.200.000.000	7,10%	14.200.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	43,31%	86.612.940.000	34,83%	69.665.740.000
Cộng	100,00%	200.000.000.000	100,00%	200.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/01/2025 đến 31/12/2025	Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024
Vốn góp tại đầu năm	200.000.000.000	191.100.000.000
Tăng trong kỳ	-	8.900.000.000
Vốn góp tại cuối kỳ	200.000.000.000	200.000.000.000

d. Cổ phiếu

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	20.000.000	20.000.000
Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	20.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

e. Các quỹ doanh nghiệp

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Quỹ đầu tư phát triển	48.242.591.185	45.642.229.475
Tổng	48.242.591.185	45.642.229.475

5.13 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2025 đến 31/12/2025	Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.965.771.211.930	2.897.955.758.970
Doanh thu bán hàng	2.908.833.158.745	2.836.360.982.425
Doanh thu cung cấp dịch vụ	56.938.053.185	61.594.776.545
Các khoản giảm trừ doanh thu	6.008.073.245	5.190.450.195
Giảm giá hàng bán	3.698.989.748	2.934.171.828
Hàng bán trả lại	2.309.083.497	2.256.278.367
Tổng	2.959.763.138.685	2.892.765.308.775

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

5.14 Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2025 đến 31/12/2025	Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024
Giá vốn hàng bán	2.373.111.833.886	2.331.773.883.542
Giá vốn cung cấp dịch vụ	20.388.587.993	11.198.330.597
Tổng	2.393.500.421.879	2.342.972.214.139

5.15 Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2025 đến 31/12/2025	Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024
Lãi tiền gửi ngân hàng	4.478.213.454	2.227.451.070
Lãi cho vay	2.434.870.902	4.438.803.429
Cổ tức, lợi nhuận được chia	19.349.096.000	14.703.720.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	26.812.466.982	36.563.828.428
Tổng	53.074.647.338	57.933.802.927

5.16 Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2025 đến 31/12/2025	Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024
Lãi tiền vay	53.646.848.501	47.436.130.769
Chiết khấu thanh toán	1.242.451.662	176.752.993
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	16.758.070.298	24.833.001.624
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối năm	912.538.862	2.960.393.457
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	475.148.421	-
Tổng	73.035.057.744	75.406.278.843

5.17 Chi phí bán hàng

	Từ 01/01/2025 đến 31/12/2025	Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024
Chi phí nhân viên	45.640.204.334	37.243.989.406
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	4.088.716.113	4.672.293.509
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	935.388.296	366.724.336
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.445.177.446	2.604.518.020
Thuế, phí, lệ phí	67.997.877	73.810.637
Chi phí dịch vụ mua ngoài	178.423.935.417	172.416.608.206
Chi phí bằng tiền khác	7.500.234.964	12.048.386.805
Tổng	239.101.654.447	229.426.330.919

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

5.18 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2025 đến 31/12/2025	Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024
Chi phí nhân viên quản lý	153.250.835.166	147.855.916.448
Chi phí vật liệu quản lý	5.752.645.327	8.219.091.327
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	2.608.710.536	2.753.154.283
Chi phí khấu hao TSCĐ	9.214.364.440	14.165.561.261
Thuế phí và lệ phí	2.793.485.288	2.240.647.435
Chi phí dự phòng	3.173.806.467	(181.482.760)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	37.309.617.265	39.408.189.178
Chi phí bằng tiền khác	19.638.531.184	23.004.599.867
Tổng	233.741.995.673	237.465.677.039

5.19 Thu nhập khác/ Chi phí khác

	Từ 01/01/2025 đến 31/12/2025	Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024
Thu nhập khác		
Thanh lý tài sản cố định	656.065.895	336.351.124
Thu nhập khác	3.945.663.282	7.757.474.574
Tổng	4.601.729.177	8.093.825.698
Chi phí khác		
Phạt vi phạm hành chính	44.099.839	7.941.084.162
Chi phí khác	10.299.629	24.015.901
Tổng	54.399.468	7.965.100.063
Lợi nhuận khác	4.547.329.709	128.725.635

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

5.20 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2025 đến 31/12/2025	Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024
Lợi nhuận kế toán trước thuế	78.005.985.989	64.371.736.647
Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế:	2.933.481.402	19.925.574.454
- Chi phí không được trừ	2.340.855.286	11.482.361.620
- Các khoản phạt	44.099.839	7.941.084.162
- Chi phí khấu hao vượt mức quy định	502.128.672	502.128.672
- Chi phí lãi vay không được trừ theo Nghị định 132/2020/NĐ-CP ngày 05/11/2020	46.397.605	-
Điều chỉnh giảm lợi nhuận trước thuế:	(19.402.824.693)	(22.474.798.814)
- Thu nhập từ nhận cổ tức	(19.349.096.000)	(14.703.720.000)
- Chi phí lãi vay không được trừ theo Nghị định 132/2020/NĐ-CP ngày 05/11/2020 của năm trước được chuyển sang năm nay	-	(2.414.141.072)
- Lãi chênh lệch TG chưa thực hiện	(53.728.693)	(5.356.937.742)
Thu nhập chịu thuế	61.536.642.698	61.822.512.287
Thuế suất thuế TNDN áp dụng	20%	20%
Thuế TNDN hiện hành trong năm	12.307.328.540	12.364.502.457
Chi phí thuế TNDN	12.307.328.540	12.364.502.457

TP.HCM, ngày 30 tháng 01 năm 2026

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc



Nguyễn Ngọc Hiếu



Đặng Minh Tuyền



Nguyễn Ngọc Lân

